

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH

Số: /BC-SLĐTBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH THANH TRA NĂM 2021

Kính gửi: Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

I. THỰC TRẠNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG, AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

1. Thực trạng tuân thủ pháp luật

a) Số liệu thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại công trình xây dựng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

| NỘI DUNG | NĂM | | | | | Tính đến hết tháng 10/2021 |
|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-----|-----------------------------------|
| | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | |
| Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng có đăng ký kinh doanh tại địa phương | 147 | 229 | 196 | 284 | 160 | |
| Số công trình xây dựng được thanh tra, kiểm tra | 4 | 0 | 0 | 4 | 2 | |
| Số doanh nghiệp là nhà thầu xây dựng được thanh tra, kiểm tra | 4 | 0 | 0 | 4 | 2 | |
| Tổng số kiến nghị đối với doanh nghiệp là nhà thầu xây dựng | 38 | 0 | 0 | 16 | 4 | |
| Số doanh nghiệp là nhà thầu xây dựng bị xử phạt vi phạm hành chính | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | |
|--|---|---|---|---|---|
| Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|--|---|---|---|---|---|

b) Số liệu giải quyết khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

| NỘI DUNG | NĂM | | | | | Tính đến hết tháng 10/2021 |
|---|------|------|------|------|---|----------------------------|
| | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | |
| Số vụ việc Sở đã giải quyết khiếu nại, tố cáo | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số vụ việc Sở đã giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc điều tra tai nạn lao động hoặc quyền và lợi ích của người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị tai nạn lao động | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

c) Những vi phạm pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động thường gặp (qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra tai nạn lao động hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo) tại các công trình xây dựng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Người sử dụng lao động chưa giao kết hợp đồng lao động với người lao động làm việc trực tiếp tại công trình;

Chưa thực hiện đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng QCVN 18: 2014/BXD, cụ thể: bố trí người lao động làm việc trên cao không có sàn thao tác có lan can an toàn, không có lưới bảo vệ an toàn và không đeo dây an toàn; một số máy, thiết bị sử dụng điện tại công trình (như máy trộn hồ) chưa thực hiện nối đất, nối trung tính; công tác dàn giáo chưa đảm bảo theo quy định (giáo chống trên nền kém ổn định; chiều rộng sàn công tác của dàn giáo thực hiện thi công mà bề rộng nhỏ hơn 1m;...)

Người sử dụng lao động không tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, quy trình, biện pháp làm việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động; chưa trang cấp đúng phương tiện bảo vệ cá nhân cần thiết cho người lao động khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm.

d) Đánh giá nguyên nhân dẫn đến sai phạm về pháp luật an toàn, vệ sinh lao động tại công trình xây dựng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Nhà thầu chưa tổ chức thực hiện đúng chế độ, quy định về lao động, an toàn, vệ sinh lao động do có tình trạng nhà thầu thuê người lao động là dân địa phương nơi thi công công trình hoặc khoán đội thi công, người lao động thay đổi thường xuyên.

Chi huy trưởng công trình chưa tham mưu người sử dụng lao động tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động tại công trình;

Chủ đầu tư chưa chú trọng thực hiện trách nhiệm giám sát về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thi công công trình.

2. Tình hình tai nạn lao động trong lĩnh vực xây dựng:

Thống kê, báo cáo số liệu trong lĩnh vực xây dựng theo nội dung trong bảng sau:

| NỘI DUNG | NĂM | | | | Tính đến hết tháng 6/2021 | Tính đến hết tháng 10/2021 |
|--|------|------|------|------|---------------------------|----------------------------|
| | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | | |
| Tổng số vụ tai nạn lao động | 0 | 0 | 1 | 3 | 3 | 4 |
| Số vụ tai nạn lao động chết người hoặc làm từ 02 người bị thương nặng trở lên | 0 | 0 | 1 | 3 | 3 | 4 |
| Số vụ tai nạn lao động nhẹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số vụ tai nạn lao động đã được điều tra | 0 | 0 | 1 | 3 | 0 | 0 |
| Số vụ tai nạn lao động có dấu hiệu hình sự đã được cơ quan có thẩm quyền khởi tố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số người chết do bị tai nạn lao động | 0 | 0 | 1 | 3 | 4 | 5 |
| Số người bị thương nặng do tai nạn lao động | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Phụ chú: Các vụ tai nạn lao động được thống kê trên xảy ra trong khu vực xây dựng nhà ở riêng lẻ do cá nhân thực hiện hiện (5/8 vụ)

II. THỰC HIỆN CHIẾN DỊCH THANH TRA LAO ĐỘNG NĂM 2021

1. Việc lập kế hoạch thực hiện các hoạt động trong chiến dịch

a) Kế hoạch thực hiện hoạt động truyền thông

| Số bài đăng trang tin điện tử | Số áp phích | Số tờ rơi | Số phóng sự truyền hình, truyền thanh | Số bài in trên báo giấy | Số cuộc tập huấn/ hội nghị/ đối thoại/ tọa đàm các bên | Tổng số người lao động, người sử dụng lao động tại doanh nghiệp xây dựng tham gia cuộc tập huấn/hội nghị/đối thoại/tọa đàm |
|-------------------------------|-------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------|--|--|
| 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

b) Kế hoạch hoạt động thanh tra, kiểm tra

- Số công trình xây dựng: 06 công trình.

- Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng: 06 doanh nghiệp.

2. Kết quả hoạt động truyền thông

| Số bài đăng trang tin điện tử | Số áp phích | Số tờ rơi | Số phóng sự truyền hình, truyền thanh | Số bài in trên báo giấy | Số cuộc tập huấn/ hội nghị/ đối thoại/ tọa đàm các bên | Tổng số người lao động, người sử dụng lao động tại doanh nghiệp xây dựng tham gia cuộc tập huấn/hội nghị/đối thoại/tọa đàm |
|-------------------------------|-------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------|--|--|
| 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

3. Kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại các công trình xây dựng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

a) Tổng quan hoạt động thanh tra, kiểm tra

| Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng được thanh tra, kiểm tra | Số công trình xây dựng được thanh tra, kiểm tra | Tổng số kiến nghị | Tổng số doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính | Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính |
|--|---|-------------------|--|---|
| 02 | 02 | 04 | 0 | 0 |

b) Việc chấp hành các quy định về hợp đồng lao động và điều kiện làm việc

| STT | Nội dung | Số doanh nghiệp vi phạm | Ghi chú |
|------------|---|-------------------------|---------|
| I | Giao kết hợp đồng lao động và sử dụng lao động đặc thù | | |
| 1 | Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động | 0 | |
| 2 | Giấy phép lao động của lao động là người nước ngoài | 0 | |
| 3 | Sử dụng lao động là người chưa thành niên | 0 | |
| II | Thời giờ làm việc | | |
| 1 | Thực hiện quy định về thời giờ làm việc bình thường (không quá 8 giờ trong 1 ngày hoặc 48 giờ trong 1 tuần). | 0 | |
| 2 | Thời gian làm thêm giờ | 0 | |
| III | Tiền lương | | |
| 1 | Trả mức lương tối thiểu cho người lao động | 0 | |
| 2 | Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động | 1 | |
| 3 | Trả lương cho người lao động làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ vào ban đêm, ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, ngày tết theo quy định. | 0 | |
| 4 | Dùng hình thức phạt tiền, cắt lương người lao động thay cho hình thức kỷ luật lao động | 0 | |

| STT | Nội dung | Số doanh nghiệp vi phạm | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------------|---------|
| IV | Bảo hiểm xã hội | | |
| 1 | Tham gia bảo hiểm xã hội cho số người lao động thuộc đối tượng phải tham gia | 0 | |
| 2 | Tiền lương hằng tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 0 | |

c) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

| STT | Nội dung | Số doanh nghiệp vi phạm | Ghi chú |
|----------|---|-------------------------|---------|
| I | Quy định chung | | |
| 1 | Thông kê lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động | 0 | |
| 2 | Tổ chức bộ phận làm công tác an toàn, bộ phận y tế | 2 | |
| 3 | Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động | 2 | |
| 4 | Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại | 2 | |
| 5 | Người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân | 2 | |
| 6 | Xây dựng nội quy, quy trình làm việc bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động phù hợp với từng loại máy, thiết bị, nơi làm việc | 1 | |
| 7 | Đặt biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nơi làm việc | 1 | |
| 8 | Tổ chức huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động | 2 | |
| 9 | Kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động | 0 | |

| STT | Nội dung | Số doanh nghiệp vi phạm | Ghi chú |
|-----------|---|-------------------------|---------|
| 10 | Khám sức khỏe cho người lao động | 2 | |
| 11 | Đánh giá rủi ro tại nơi làm việc | 1 | |
| II | An toàn trong lĩnh vực xây dựng | | |
| 1 | Lập các giải pháp đảm bảo an toàn trong biện pháp thi công | 0 | |
| 2 | Lắp đặt lan can an toàn hoặc thực hiện che dẫy tại các vị trí nguy hiểm trên sàn tầng | 1 | |
| 3 | Thực hiện biện pháp an toàn cho người và vật ở những vùng nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống | 1 | |
| 4 | Lắp đặt bao che an toàn bộ phận chuyển động của máy, thiết bị có thể gây nguy hiểm | 0 | |
| 5 | Cử người xi nhan và theo dõi trạng thái cầu trong quá trình sử dụng thiết bị nâng để cầu vật liệu | 0 | |
| 6 | Tách riêng hệ thống điện động lực và điện chiếu sáng | 0 | |
| 7 | Sử dụng thiết bị cầu nâng hàng để nâng người | 0 | |
| 8 | Trang bị đầy đủ phích cắm cho thiết bị sử dụng điện | 0 | |
| 9 | Lắp đặt thiết bị chiếu sáng | 0 | |
| 10 | Thực hiện biện pháp chủ động ngăn ngừa vật rơi khi sử dụng cầu tháp | 0 | |
| 11 | Nghiệm thu trước khi sử dụng đối với giàn giáo | 0 | |
| 12 | Các bộ phận của giàn giáo khi sử dụng để thi công | 1 | |
| 13 | Lắp đặt và kê kích chân cột giáo | 1 | |
| 14 | Nội trung tính vỏ kim loại của máy, thiết bị điện | 1 | |
| 15 | Xếp đặt các tấm cốp pha | 0 | |
| 16 | Trang bị phích cắm cho thiết bị sử dụng điện | 0 | |
| 17 | Áp kê tại cụm van giảm áp của các chai chứa khí hàn | 0 | |
| 18 | Dây điện tiếp xúc với bộ phận dẫn điện của kết cấu công trình | 0 | |
| 19 | Làm các công việc hoàn thiện đồng thời ở nhiều tầng trên một phương thẳng đứng | 0 | |

| STT | Nội dung | Số doanh nghiệp vi phạm | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------|---------|
| 20 | Đảm bảo an toàn trong phạm vi bán kính hoạt động của máy xúc | 0 | |
| 22 | Công tác đào đất ở gần đường cáp điện ngầm đang vận hành | 0 | |

4. Các kiến nghị và đề xuất biện pháp ngăn ngừa để hạn chế rủi ro và tăng cường sự tuân thủ pháp luật tại công trường xây dựng, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực

Tăng cường thanh tra, xử lý nghiêm đối với các vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại các công trình xây dựng.

Tăng cường huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, cấp thẻ an toàn đối với lực lượng lao động tự do làm việc trong lĩnh vực xây dựng tư nhân (lao động phi chính thức).

Tăng cường trách nhiệm của Chủ đầu tư trong thực hiện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi công của các nhà thầu xây dựng; trong tuân thủ tiêu chí lựa chọn nhà thầu đáp ứng các yêu cầu, quy định của pháp luật về xây dựng.

Trên đây là kết quả thực hiện chiến dịch thanh tra năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, xin báo cáo Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ LĐTBXH (báo cáo);
- GD và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, TTra_(D).

GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Công